

Bản án số: 31/2020/HSST

Ngày: 17/6/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hưng Bính

*Thẩm phán:* Ông Trần Ngọc Tú

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tiến Nam

Ông Châu Khắc Thái

Ông Trần Bá Trung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nga, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:** Ông Lê Đức Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 06 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

**Trần Văn T**, sinh ngày 25 tháng 5 năm 1999 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T1 và bà Phan Thị B; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 29/7/2019 chuyển tạm giam từ ngày 06/8/2019 cho đến nay, có mặt.

**- Người làm chứng:**

1. Nguyễn Ngọc Lâm V, sinh năm 2000, trú tại: xã H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Trần Duy Th1, sinh năm 2000, trú tại: xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

3. Trần Quang P, sinh năm 1988, trú tại: xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

4. Bùi Quang Hoàng Th2, sinh năm 1993, trú tại: xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

5. Trương Văn Quốc Th3 sinh năm 1986, trú tại: 92 Đ, phường P, thành phố H. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Tấn T; trú tại: 51A N, Ngõ 02, Kiệt 27, phường A, thành phố H. Vắng mặt.

2. Ông Võ Văn T, địa chỉ: 16/64 N, phường P, thành phố H. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 28/7/2019 Trần Văn T cùng với Nguyễn Hữu L (sinh năm 1994, trú tại: xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế), Nguyễn Ngọc Lâm V (sinh năm 2000, trú tại: xã H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế), Trần Duy Th1 (sinh năm 2000, trú tại: xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế), Trần Quang P (sinh năm 1988, trú tại: xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế), Bùi Quang Hoàng Th2 (sinh năm 1993, trú tại: xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế) ngồi nhậu tại quán Ga, địa chỉ số 32 đường N, phường P, thành phố Huế. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì cả nhóm cùng nhau vào quán Bar Vegas, địa chỉ số 81 đường B, phường X, thành phố Huế để ngồi chơi. Tại quán Bar, L bỏ ma túy (dạng khay và lắc) ra bàn và cả nhóm cùng sử dụng. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, L đi ra ngoài (đi đâu thì cả nhóm không rõ), T tiếp tục ngồi lại chơi cùng Th1, P, Th2, V tại quán Bar. Đến khoảng 00 giờ ngày 29/7/2019, T một mình điều khiển xe máy đến khách sạn Canary, địa chỉ số 37 đường N, phường P, thành phố Huế gặp anh Trương Văn Quốc Th3 (sinh năm 1996, trú tại: 92 Đ, phường P, thành phố Huế, anh Th3 là lễ tân của khách sạn Canary). T nói anh Th3 đưa cho T chìa khóa phòng 205 để T lên phòng lấy đồ cho L. Sau khi được anh Th3 đưa chìa khóa, T lên phòng 205, lấy 01 quần tây màu đen bên trong có chứa ma túy rồi quay xuống trả chìa khóa cho anh Th3 và đi ra ngoài khách sạn. Vào lúc 01 giờ 00 phút, ngày 29/7/2019, khi T đang cất giấu quần tây chứa ma túy vào cốp xe mô tô thì bị Công an phát hiện, bắt quả tang.

Việc Trần Văn T rời quán Bar đến khách sạn Canary lấy ma túy cả nhóm gồm Th1, P, Th2, V hoàn toàn không biết. Mục đích Trần Văn T cất giấu ma túy theo T khai nhận là trong quá trình ngồi chơi tại quán Bar, Nguyễn Hữu L có điện thoại cho T nhờ T đến khách sạn để lấy ma túy giúp L, T cất giấu số ma túy trên khi nào L điện thoại để lấy thì T mang đến.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã kiểm tra lưu trú tại Phòng 205 của khách sạn Canary xác định có người tên Nguyễn Hữu L, sinh ngày 29/8/1994, trú tại: xã P, huyện P, Thừa Thiên Huế đến đăng ký lưu trú từ ngày 19/7/2019 nhưng chưa trả phòng và chưa thấy quay lại sau khi T bị bắt. Ngoài ra Cơ quan cảnh sát điều tra còn xác định L mượn giấy Chứng minh nhân dân của Nguyễn Tấn T (sinh ngày 04/01/2002, trú tại Thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai) để đăng ký lưu trú. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành triệu tập Nguyễn Hữu L để làm việc nhưng hiện tại đối tượng không có mặt tại địa phương.

*Vật chứng thu giữ gồm:*

- 01 (một) gói ni lông bên trong có 250 viên nén đều có dạng hình hộp chữ nhật màu xanh (kích thước 1,2 x 0,7x 0,4) cm, khối lượng cân được là 99,4275 gam.

- 04 (bốn) gói ni lông bên trong mỗi gói đều chứa chất tinh thể rắn màu trắng, khối lượng cân được là 26,6720 gam.

- 01 (một) gói ni lông có chứa mẫu tinh thể rắn màu trắng màu trắng, khối lượng cân được là: 8,0379 gam.

(Tất cả đều được niêm phong kín trong một gói niêm phong bằng phong bì và băng keo trong. Bên ngoài gói niêm phong có 01 chữ ký ghi họ tên Trần Văn T; 02 chữ ký ghi họ tên Điều tra viên Võ Phi Sơn và 02 dấu tròn đỏ của Công an phường Phú Hội, thành phố Huế).

- 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng - đen; máy đã qua sử dụng.

- 01 quần tây màu đen.

- 01 xe mô tô hiệu Honda SH, biển kiểm soát 75F1-669.5x, màu trắng - đen.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda SH, biển kiểm soát 75F1-669.5x, màu trắng - đen, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xác minh chủ sở hữu là ông Võ Văn T, sinh năm 1964; trú tại: 16/64 N, thành phố Huế. Ông T cho T mượn xe mô tô nhưng không biết T sử dụng xe mô tô làm phương tiện phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng số 07/PC04 ngày 16/9/2019 để trả lại xe mô tô Honda SH, biển kiểm soát 75F1-669.59 cho chủ sở hữu là ông Võ Văn T.

*Tại Bản kết luận giám định số 391/GĐ ngày 31/7/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận:*

- 250 viên nén màu xanh đều có dạng hình hộp chữ nhật màu xanh có tổng khối lượng là 99,4275g, là ma túy, loại MDMA.

- Mẫu tinh thể rắn màu trắng được đựng trong 04 (bốn) gói ni lông có tổng khối lượng là 26,6720g, là ma túy, loại Ketamine.

- Mẫu tinh thể rắn màu trắng được đựng trong 01 (một) gói ni lông có tổng khối lượng là 8,0379g, là ma túy, loại Ketamine.

*Hoàn lại đối tượng giám định cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế gồm:*

- 99,4275 gam mẫu các viên nén đều có dạng hình hộp chữ nhật màu xanh.

- 26,472 gam mẫu tinh thể rắn màu trắng (được đựng trong 04 gói ni lông gửi giám định).

- 7,8379 gam mẫu tinh thể rắn màu trắng (được đựng trong 01 gói ni lông gửi giám định).

- Các vật liệu dùng để bao gói, niêm phong khi gửi giám định.

(Tất cả đã được niêm phong theo quy định).

*Tại Bản Cáo trạng số 09/CT-VKS-P2 ngày 31/3/2020, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo: Trần Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 13 (Mười ba) năm tù đến 14 (Mười bốn) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy toàn bộ khối lượng ma túy sau giám định; tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại Iphone; tịch thu tiêu hủy 01 quần tây màu đen không có giá trị. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trần Văn T khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người làm chứng, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay bị cáo Trần Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu trên. Lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Do vậy, có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 01 giờ 00 phút, ngày 29/7/2019, trước khách sạn Canary số 37, đường N, phường P, thành phố Huế, Trần Văn T đang tàng trữ trái phép 01 gói ni lông bên trong có 250 viên nén màu xanh có tổng khối lượng là 99,4275g, là ma túy, loại MDMA và 05 gói ni lông bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng có tổng khối lượng là 34,7099g, là ma túy, loại Ketamine, được cất giấu ở trong túi quần tây màu đen để trong cốp xe mô tô nhãn hiệu Honda SH biên kiểm soát 75 F1-669.5x thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an thành phố Huế phát hiện bắt quả tang.

Bị cáo T tàng trữ trái phép 02 chất ma túy là loại MDMA, loại Ketamine quy định tại Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 nên xác định tình tiết định khung hình phạt như sau:

+ Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của 99,4275 gam ma túy loại MDMA so với mức tối thiểu được quy định tại khoản 4 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015 là:  $(99,4275g : 100g) \times 100\% = 99,4275\%$

+ Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của 34,7099 gam ma túy loại Ketamine so với mức tối thiểu được quy định tại khoản 4 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015 là:  $(34,7099g : 300g) \times 100\% = 11,5699667\%$

Tổng tỉ lệ phần trăm về khối lượng của 02 chất ma túy loại MDMA và loại Ketamine là:  $99,4275\% + 11,5699667\% = 110,997467\%$  (làm tròn là 111%).

Do tổng tỉ lệ về khối lượng của 02 chất ma túy loại MDMA và loại Ketamine là 111% (lớn hơn 100%) nên hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Bị cáo T đã phạm vào tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm h khoản 4 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Do đó, Cáo trạng truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm h khoản 4 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Quá trình điều tra bị cáo T khai nguồn gốc số ma túy trên là do Nguyễn Hữu L nhờ T đến phòng 205, khách sạn Canary lấy giúp. Việc L nhờ chỉ có T và L biết. Quá trình điều tra không lấy được lời khai của L nên không có cơ sở chấp nhận lời khai của T.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo Trần Văn T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo Trần Văn T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng bản thân lại là người nghiện ma túy nên vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý đặc biệt của Nhà Nước về chất ma túy ; gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội; trực tiếp ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người; tiếp tay cho tệ nạn ma túy mà cả xã hội đang chung sức đẩy lùi. Do vậy, cần xử lý nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung.

Bị cáo T không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Văn T đã “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị cáo là sinh viên Học viện Âm nhạc, nhân thân của bị cáo, thấy rằng: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự được xem xét tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Sau khi xem xét toàn bộ nội dung vụ án, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử bị cáo T dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng là có căn cứ.

[4] Đối với đối tượng Nguyễn Hữu L, sinh năm 1994; nơi cư trú: xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, quá trình điều tra xác định hiện tại đối tượng không có mặt tại địa phương. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được chưa đủ căn cứ xác định số ma túy Trần Văn T tàng trữ là của Nguyễn Hữu L nên cần tiếp tục xác minh làm rõ, khi đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy hoàn lại sau giám định đã được niêm phong vì đây là chất cấm tàng trữ.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone của bị cáo Trần Văn T vì đây là công cụ, phương tiện bị cáo dùng để phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy 01 quần tây màu đen không có giá trị.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda SH, biển kiểm soát 75F1-669.5x, màu trắng – đen, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu là ông Võ Văn T, ông T đã nhận lại xe mô tô, không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo Trần Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 54, điểm h khoản 4 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015,

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 13(Mười ba) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Thời gian phạt tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 29/7/2019.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy hoàn lại sau giám định đã được niêm phong.

- Tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone của bị cáo Trần Văn T.

- Tịch thu tiêu hủy 01 quần tây màu đen không có giá trị.
- Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda SH, biển kiểm soát 75F1-669.5x, màu trắng – đen, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu là ông Võ Văn T.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Phòng PC04 CA tỉnh TT- Huế;
- Trại tạm giam CA tỉnh TT- Huế;
- Cục THA tỉnh TT- Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh TT Huế;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trần Hưng Bính**